

Số: 02/2025/QĐST- LD

Đồng Tháp, ngày 06 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG THÁP

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đỗ Thị Kim Sa

Thư ký phiên họp: Bà Đinh Thị Thoảng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp tham gia phiên họp:
Ông Võ Hồng Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 02/2025/TLST-LĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025 về việc: “Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 73/2025/QĐST-LĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Mai Thị Mộng T, sinh năm 1992

HKTT: Ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang

Địa chỉ: khu phố F, thị trấn V, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố F, xã V, tỉnh Đồng Tháp). (có đơn đề nghị giải quyết việc dân sự vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Lê Thị Hồng T1, sinh năm 1996

HKTT: ấp Bình Trung, xã Thạnh Nhựt, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang

Địa chỉ: khu phố 6, thị trấn Vĩnh Bình, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang (nay là khu phố 6, xã Vĩnh Bình, tỉnh Đồng Tháp). (có đơn đề nghị giải quyết việc dân sự vắng mặt)

2/ Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên W

Địa chỉ: Quốc lộ E, ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (nay là Quốc lộ E, ấp T, xã C, tỉnh Đồng Tháp)

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Yến L – sinh năm 1984 (theo Giấy uỷ quyền ngày 21/7/2025) (có đơn đề nghị giải quyết việc dân sự vắng mặt)

3/ Bảo hiểm xã hội khu vực XXXIII (trước là Bảo hiểm xã hội tỉnh T)

Địa chỉ: Số A L, phường M, tỉnh Đồng Tháp

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Huỳnh Hữu P – sinh năm 1978 (theo văn bản uỷ quyền số 435/BHXXH-TCHC ngày 16/7/2025) (có đơn đề nghị giải quyết việc dân sự vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai, bà Mai Thị Mộng T trình bày:

Bà Mai Thị Mộng T và bà Lê Thị Hồng T1 có mối quan hệ là hàng xóm láng giềng. Vào năm 2012, bà T1 không đủ tuổi lao động nên bà T đã cho bà T1 mượn chứng minh nhân dân để bà T1 xin vào làm công nhân tại công ty TNHH một thành viên W (địa chỉ: Quốc lộ E, ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang). Bà T1 đã tham gia

bảo hiểm xã hội từ tháng 02/2012 đến tháng 11/2012 với mã số sổ là 8212011924. Đến khi nghỉ việc tại công ty này cho đến nay, bà T1 vẫn chưa nhận tiền bảo hiểm xã hội.

Từ tháng 3/2012 đến tháng 9/2023, bà T có đi làm công nhân tại Công ty TNHH D và tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ 8212012311. Khi nghỉ việc, bà T tiến hành thủ tục hưởng bảo hiểm xã hội, nhưng Bảo hiểm xã hội tỉnh T thông báo trước đây bà T có tham bảo hiểm xã hội với mã số sổ là 8212011924.

Do người giao kết hợp đồng lao động với công ty TNHH một thành viên W là bà Lê Thị Hồng T1 không phải là bà Mai Thị Mộng T, nên bà T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động số 11121907 ngày 19/01/2012 giữa công ty TNHH một thành viên W và Mai Thị Mộng T là vô hiệu. Khi hợp đồng lao động nay vô hiệu, đề nghị cơ quan chức năng điều chỉnh thông tin nhân thân trên sổ bảo hiểm số 8212011924 từ tên Mai Thị Mộng T thành Lê Thị Hồng T1, để bà T làm thủ tục của mình về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị Hồng T1 trình bày tại bản tự khai như sau:

Bà Lê Thị Hồng T1 là hàng xóm với bà Mai Thị Mộng T. Vào năm 2012 do bà T1 không đủ tuổi lao động nên đã mượn chứng minh nhân dân của bà T để xin vào làm công nhân tại công ty TNHH một thành viên W. Bà T1 có tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 02/2012 đến tháng 11/2012 với mã số sổ là 8212011924. Khi nghỉ việc cho đến nay, bà T1 chưa nhận tiền bảo hiểm xã hội.

Bà T1 xác định bà là người giao kết hợp đồng lao động với công ty TNHH một thành viên W, không phải là bà Mai Thị Mộng T. Do đó, bà T1 đồng ý Toà án tuyên bố hợp đồng lao động số 11121907 ngày 19/01/2012 giữa công ty TNHH một thành viên W và Mai Thị Mộng T là vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH một thành viên W do bà Nguyễn Thị Yên L đại diện theo ủy quyền trình bày:

Hợp đồng lao động số 11121907 ngày 19/01/2012 giữa công ty TNHH một thành viên W và Mai Thị Mộng T là có thật. Công ty đã trả lương và đóng bảo hiểm đầy đủ cho bà T trong thời gian làm việc từ tháng 02/2012 đến tháng 11/2012.

Nay Công ty TNHH một thành viên W đề nghị Toà án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội khu vực XXXIII do ông Huỳnh Hữu P đại diện theo ủy quyền trình bày:

Qua tra cứu dữ liệu trên phần mềm quản lý thu (TST), phần mềm quản lý chính sách (T2), nhận thấy thông tin của bà Mai Thị Mộng T, sinh ngày 08/05/1992, chứng minh nhân dân số 312116559, căn cước công dân số 082192014343 có 02 mã số BHXH như sau: Mã số 8212011924 có quá trình tham gia BHXH tại Công ty TNHH một thành viên W từ tháng 02/2012 đến tháng 11/2012, tổng thời gian tham gia là 10 tháng (thời gian này chưa nhận BHXH 1 lần và BHTN). Mã số BHXH 8212012311 có quá trình tham gia BHXH tại Công ty TNHH D từ tháng 03/2012 đến tháng 09/2023 (trong đó tháng 01/2018 không tham gia do nghỉ không hưởng lương), tổng thời gian tham gia là 11 năm 06 tháng (thời gian này chưa nhận BHXH 1 lần và BHTN)

Căn cứ dữ liệu trên, tổng thời gian đóng trùng giữa Công ty TNHH một thành viên W và Công ty TNHH D là 09 tháng, từ 03/2012 đến tháng 11/2012 và thời gian đóng trùng này có liên quan đến việc bà Mai Thị Mộng T yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động (HĐLĐ) vô hiệu do bà Lê Thị Hồng T1 mượn chứng minh nhân dân số 312116559 để vào làm việc, đóng BHXH tại Công ty TNHH một thành viên W.

Theo Hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTĐ-BHXH ngày 31/5/2022 của Bộ L1 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết HĐLĐ, trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết HĐLĐ là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực”, đây là trường hợp HĐLĐ vô hiệu toàn bộ. Tòa án nhân dân có thẩm quyền tuyên bố HĐLĐ vô hiệu. Tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ Luật lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động quy định: “Các vấn đề khác liên quan đến việc xử lý HĐLĐ vô hiệu toàn bộ do người giao kết không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết HĐLĐ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự”.

Căn cứ hướng dẫn trên, BHXH khu vực XXXIII đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Đồng Tháp xem xét tuyên bố nội dung liên quan việc tham gia BHXH đối với người lao động sau khi HĐLĐ được tuyên bố vô hiệu như sau: Điều chỉnh thông tin số BHXH số 8212011924 cấp cho bà Mai Thị Mộng T do Công ty TNHH một thành viên W trích nộp từ tháng 02/2012 đến tháng 11/2012 thành tên bà Lê Thị Hồng T1. Bà Mai Thị Mộng T và bà Lê Thị Hồng T1 được hưởng các chế độ BHXH theo quy định.

Tại phiên họp:

Người yêu cầu, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị giải quyết việc dân sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp đã thụ lý, mở phiên họp xét việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Mai Thị Mộng T, tuyên bố Hợp đồng lao động được ký kết từ tháng 02/2012 đến tháng 11/2012 giữa người tên Mai Thị Mộng T với Công ty TNHH một thành viên W là vô hiệu. Về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu: Giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu theo quy định pháp luật. Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Các đương sự chịu lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu về việc “Yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu” là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Người lao động và Công ty TNHH một thành viên W ký hợp đồng lao động tại trụ sở Công ty ở địa chỉ Quốc lộ E, ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vì vậy, căn cứ vào điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản, luật hoà giải đối thoại tại Tòa án, yêu cầu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp.

Các đương sự có đơn đề nghị giải quyết việc dân sự vắng mặt. Do đó, Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Bà Mai Thị Mộng T yêu cầu Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động số 11121907 ngày 19/01/2012 giữa công ty TNHH một thành viên W và Mai Thị Mộng T là vô hiệu.

Xét thấy: Bà Mai Thị Mộng T và bà Lê Thị Hồng T1 đều xác định năm 2012 bà T cho bà Lê Thị Hồng T1 mượn chứng minh nhân dân, và bà T1 lấy tên bà T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH một thành viên W. Như vậy, việc bà T1 sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin cá nhân bà T để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH một thành viên W là hành vi không trung thực, đã lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, nên vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994. Do đó, căn cứ Điều 122 và Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2005, Hợp đồng lao động số 11121907 ngày 19/01/2012 giữa người sử dụng lao động Công ty TNHH một thành viên W và người lao động Mai Thị Mộng T là vô hiệu toàn bộ.

Về hậu quả pháp lý của việc tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ: Các đương sự không có nêu thiệt hại và không có yêu cầu Tòa án giải quyết thiệt hại từ việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Ghi nhận ý kiến của bà Mai Thị Mộng T và Bảo hiểm xã hội khu vực XXXIII về việc Điều chỉnh thông tin số BHXH số 8212011924 cấp cho bà Mai Thị Mộng T do Công ty TNHH một thành viên W trích nộp từ tháng 02/2012 đến tháng 11/2012 thành tên bà Lê Thị Hồng T1.

[3] Về lệ phí: Bà Mai Thị Mộng T phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào : Khoản 1 Điều 33, điểm v Khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 367, Điều 371, Điều 372, Điều 401, Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản, luật hoà giải đối thoại tại Toà án; Điều 9 Bộ Luật Lao động 1994; Điều 122, Điều 127 Bộ luật Dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Mai Thị Mộng T:

Tuyên bố Hợp đồng lao động số 11121907 ngày 19/01/2012 giữa người sử dụng lao động Công ty TNHH một thành viên W và người lao động Mai Thị Mộng T, là vô hiệu toàn bộ.

2. Hậu quả pháp lý của việc tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ:

Các đương sự không có nêu thiệt hại và không có yêu cầu Tòa án giải quyết thiệt hại từ việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Giao cho các cơ quan chức năng có liên quan điều chỉnh thông tin nhân thân (của Hợp đồng lao động 11121907 ngày 19/01/2012 giữa người sử dụng lao động Công ty TNHH một thành viên W và người lao động Mai Thị Mộng T (do bà Lê Thị Hồng T1 là người giao kết) tên Mai Thị Mộng T trên sổ bảo hiểm xã hội số 8212011924 thành Lê Thị Hồng T1.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà Mai Thị Mộng T phải chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ

phí đã nộp theo biên lai số 0008976 ngày 20/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Bà Mai Thị Mộng T đã nộp đủ lệ phí.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày họ nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát cấp trên được quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày ra quyết định.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp ;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp ;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Đỗ Thị Kim Sa